

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 752/2018/TLST – HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2018, về việc “Xin ly hôn” giữa:

* **Nguyên đơn:** Bà Trần Thị Mỹ H, sinh năm 1989.

Địa chỉ: khu phố 3, phường L, TP. B, Đồng Nai

* **Bị đơn:** Ông Lê Văn D, sinh năm 1989.

Địa chỉ: tổ 15, ấp H, xã P, TP. B, Đồng Nai.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 5 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 5 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Trần Thị Mỹ H và ông Lê Văn D.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Mỹ H và ông Lê Văn D thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 01 con chung là cháu Lê Ngọc Thanh N, sinh ngày 20/7/2016. Ly hôn có ông bà thỏa thuận giao cháu N cho bà H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và tạm thời ông D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) kể từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Ông D được quyền đi lại thăm nuôi con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Bà H tự nguyện nộp 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm hòa giải thành và 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 006563/THA ngày 30/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND TP.B (2);
- THADS TP.B (1);
- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- Dương sự (2);
- UBND xã T,
Huyện C, Đồng Nai (1);
- Lưu hồ sơ vụ án (1).

THẨM PHÁN

Trần Thị Mỹ Hạnh